

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: ~~1991~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 13 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2016 hỗ trợ
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đối với các xã
hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2016 thuộc các huyện
Tuy Phước, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phù Cát, Hoài Ân và thị xã An Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 26/3/2016 và Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1743/TTr-STC-NS ngày 27/5/2016, Văn bản số 1825/TTr-STC-NS ngày 02/6/2016 và Văn bản số 1813/TTr-STC-NS ngày 02/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2016, hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2016, thuộc các huyện Tuy Phước, Hoài Ân, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phù Cát và thị xã An Nhơn, chi tiết có phụ lục kèm theo.

Điều 2. UBND các huyện Tuy Phước, Hoài Ân, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phù Cát và thị xã An Nhơn chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát UBND các xã trong việc sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện Tuy Phước, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND thị xã An

Nhơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K19.(M.18b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
HUYỆN TUY PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Tuy Phước				23.741	7.400	
I	UBND xã Phước Lộc			10.618	3.700	
1	Thủy lợi			4.168	855	
a	KCHKM tuyến từ trạm bơm 19/5 đến đồng Mù U	Phong Tấn	Quý II/2016	668	134	
b	KCHKM tuyến từ Bờ bậu số 01 đến vùng ruộng Mốc Mèo	Hanh Quang	Quý II/2016	381	76	
c	KCHKM tuyến từ ruộng nghèo đến lò gạch	Hanh Quang	Quý II/2016	540	130	
d	KCHKM tuyến từ Ụ đất đến Gò ông The	Quảng Tín	Quý II/2016	436	87	
đ	KCHKM tuyến từ ruộng bà Nguyễn Thị Hương đến ruộng ông Nguyễn Hữu Thanh (trước lò gạch)	Vinh hy	Quý II/2016	348	80	
e	KCHKM tuyến từ ruộng bà Đào Thị Thúy Huệ đến ruộng ông Hàm	Vinh Thạnh 1	Quý II/2016	861	162	
g	KCHKM tuyến từ kênh N2-41 đến đồng Thiên Thai (trước lớp mẫu giáo)	Trung Thành	Quý II/2016	249	50	
h	KCHKM tuyến từ kênh N23 đến ruộng lúa bà Đào Thị Yến	Vinh Thạnh 2	Quý II/2016	685	136	
2	Cơ sở vật chất văn hóa			6.450	2.845	
a	Xây dựng mới trụ sở thôn Vinh Thạnh 1	Vinh Thạnh 1	Quý III/2016	830	450	
b	Xây dựng mới trên nền hiện có nhà văn hóa thôn Hanh Quang	Hanh Quang	Quý III/2016	670	285	
c	Xây dựng nhà văn hóa xã	Hanh Quang	Quý III/2016	4.200	1.735	

(Signature)

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
d	Xây dựng khu thể thao thôn Vĩnh Hy	Vĩnh Hy	Quý III/2016	150	75	
đ	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Mỹ 1	Phú Mỹ 1	Quý III/2016	150	75	
e	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Mỹ 2	Phú Mỹ 2	Quý III/2016	150	75	
g	Xây dựng khu thể thao thôn Đại Tín	Đại Tín	Quý III/2016	150	75	
h	Xây dựng khu thể thao thôn Trung Thành	Trung Thành	Quý III/2016	150	75	
II	UBND xã Phước Sơn					
1	Giao thông			13.123	3.700	
a	Đường Nội đồng Phụng Sơn (Ruộng ông Bình - Ruộng ông Duyên)	Phụng Sơn	2016	1.546	1.001	
b	Đường Nội đồng Kỳ Sơn (Ruộng bà Tui - Giáp Phước Thuận)	Kỳ Sơn	2016	314,8	202	
c	Đường Nội đồng Lộc Trung (Hồ nước 14 - Ruộng bà Yến gò Đông)	Lộc Trung	2016	168,7	109	
d	Đường nội đồng Vinh Quang 1 (Nhà ông Sơn Kế - BTXM đi VQ2)	Vinh Quang 1	2016	180,2	117	
đ	Đường Nội đồng Vinh Quang 2 (Ruộng ông Quế - Đường BTXM)	Vinh Quang 2	2016	151,8	99	
e	Đường Nội đồng Mỹ Trung (Nhà bà Vân - Gò Lộc Thượng)	Mỹ Trung	2016	148,5	96	
g	Đường Nội đồng Mỹ Cang (Nhà Đỗ Sanh Hiệp - Giáp ba tô)	Mỹ Cang	2016	88,4	57	
h	Đường Nội đồng Xuân Phương (Nhà bà Linh - Ruộng Huỳnh Niên Dương Thiện)	Xuân Phương	2016	131,8	86	
i	Đường Nội đồng Lộc Thượng (Nhà 7 Năng - Giáp bờ hạ Ngâm)	Lộc Thượng	2016	85,1	56	
				128,9	83	

7/

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
HUYỆN PHÙ MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

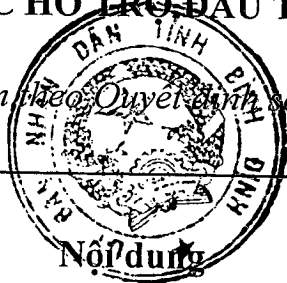
TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Phù Mỹ				10.166	3.700	
I	Xã Mỹ Quang			10.166	3.700	
1	Thủy lợi			2837	700	
a	BTXM tuyến mương từ ngõ Trinh đi ngõ Thâm Long	Trung Thành 2	2015	1.049	240	Trả nợ
b	BTXM tuyến mương từ cầu Ké đi đập Đồng Tre	Trung Thành 2	2015	1.788	460	Trả nợ
2	Giao thông			1.200	400	
a	BTXM tuyến đường ĐT 632 đi nghĩa trang nhân dân	Trung Thành 1	2016	900	300	
b	BTXM đường nội bộ chợ Mỹ Quang	Trung Thành 2	2016	300	100	
3	Cơ sở vật chất văn hóa			5.329	2.260	
a	Nhà văn hóa xã	Bình Trị	2016	3.112	1.450	
b	Nhà Văn hóa thôn Tường An	Tường An	2016	546	220	
c	Nhà văn hóa thôn Tân An	Tân An	2016	556	200	
d	Nhà văn hóa thôn Trung Thành 2	Trung Thành 2	2016	562	220	
đ	Nhà văn hóa thôn Trung Thành 3	Trung Thành 3	2016	553	170	
4	Y tế			400	200	
	Xây dựng 02 phòng chức năng, tường rào, cổng ngõ trạm y tế xã	Bình Trị	2016	400	200	
5	Môi trường			400	140	
	Xây dựng hệ thống thoát nước thải chợ Mỹ Quang	Trung Thành 1	2016	400	140	

gđ

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
HUYỆN HOÀI NHƠN

(Kèm theo Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
HUYỆN HOÀI NHƠN				15.403,856	3.700,000	
I	Xã Hoài Hảo			15.403,856	3.700,000	
1	Tiêu chí: Giao thông			6.097,012	1.388,057	
a	Tuyến đường từ Quán niên - Đìa Cúc	Xã Hoài Hảo	2015-2016	489,651	91,739	Trả nợ
b	Tuyến đường từ Giáp đường bê tông - nhà Đức	Xã Hoài Hảo	2015-2016	489,651	101,139	Trả nợ
c	Tuyến đường từ nhà Lân - Trường Phú Tân	Xã Hoài Hảo	2015-2016	975,802	90,153	Trả nợ
d	Tuyến đường từ nhà Bình - nhà Chánh	Xã Hoài Hảo	2015-2016	290,451	18,654	Trả nợ
đ	Tuyến đường từ nhà Tài- nhà Loan	Xã Hoài Hảo	2015-2016	672,350	159,946	Trả nợ
e	Tuyến đường từ nhà Sửu- nhà Ngư	Xã Hoài Hảo	2015-2016	355,760	101,353	Trả nợ
g	Tuyến đường từ Trường ngã ba - Cầu Vung	Xã Hoài Hảo	2015-2016	246,584	63,541	Trả nợ
h	Tuyến đường từ Trụ sở thôn - nhà Tân	Xã Hoài Hảo	2015-2016	346,304	94,578	Trả nợ
i	Tuyến đường từ nhà Hùng (Tân Thạnh 2) - nương công trình nhà Sỏi	Xã Hoài Hảo	2015-2016	777,758	300,000	Trả nợ
k	Tuyến đường từ nhà Nhịp - đồng cây bông	Xã Hoài Hảo	2015-2016	295,198	76,038	Trả nợ
l	Tuyến đường từ nhà Trứ- nhà Thùy	Xã Hoài Hảo	2015-2016	149,355	38,476	Trả nợ
m	Gò than - nhà Chi	Xã Hoài Hảo	2015-2016	538,256	138,736	Trả nợ
n	Tuyến đường từ nhà Luyện+ Vườn di- Mương công trình nhà Sỏi	Xã Hoài Hảo	2015-2016	469,892	113,704	Trả nợ
2	Tiêu chí Thủy lợi			7.275,344	1.611,943	
a	Bê tông kênh mương tuyến mương chính từ đồng Sơn Cây - Hồ Phú Thạnh	Xã Hoài Hảo	2015-2016	1.267,137	300,000	Trả nợ

b	Bê tông kênh mương tuyến từ đập bến xe - nhà lăm	Xã Hoài Hảo	2015-2016	914,439	300,000	Trả nợ
c	Bê tông kênh mương tuyến từ Soi phiên - Hồ Phú Thạnh	Xã Hoài Hảo	2015-2016	1.033,768	135,943	Trả nợ
d	Bê tông kênh mương tuyến từ nhà Thắng - Cánh đồng mẫu lớn	Xã Hoài Hảo	2016	455,000	190,000	
đ	Bê tông kênh mương tuyến từ nhà Hào - Cuối cánh đồng mẫu lớn	Xã Hoài Hảo	2016	245,000	80,000	
e	Bê tông kênh mương tuyến từ cống N6 - ruộng Chanh 1, 2, 3	Xã Hoài Hảo	2016	700,000	41,000	
g	Bê tông kênh mương tuyến từ cống N6 - Đất Thỏ	Xã Hoài Hảo	2016	420,000	64,000	
h	Bê tông kênh mương tuyến từ đập Cây Bàng - đường Gia Long	Xã Hoài Hảo	2016	840,000	169,000	
i	Bê tông kênh mương tuyến từ tràn Tấn Thạnh 2 - Rộc 1, 2, 3, 4	Xã Hoài Hảo	2016	700,000	141,000	
k	Bê tông kênh mương tuyến từ nhà Lăm - Cầu Ké	Xã Hoài Hảo	2016	700,000	41,000	
l	Bê tông kênh mương tuyến từ Bình hạ thế - nhà Chánh	Xã Hoài Hảo	2016	1.700,000	150,000	
3	Tiêu chí Môi trường			2.031,500	700,000	
a	Xây dựng hệ thống thoát nước trung tâm xã	Xã Hoài Hảo	2016	1.000,000	300,000	
b	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư đoạn từ Gia Long đến QL 1A	Xã Hoài Hảo	2016	1.031,500	400,000	

74

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
THỊ XÃ AN NHƠN



(Kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
THỊ XÃ AN NHƠN				27.623	11.100	
I	Xã Nhơn Khánh					
1	Cơ sở vật chất văn hóa			8.115	3.700	
	Nhà văn hóa đa năng xã Nhơn Khánh	Thôn Khánh Hòa	2016	3.690	2.000	
2	Trường học			4.425	1.700	
	Trường mẫu giáo xã Nhơn Khánh	Thôn Khánh Hòa	2016	4.425	1.700	
II	Xã Nhơn Thọ			9.471	3.700	
1	Thủy lợi			1.544	500	
a	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Nhơn Thọ - Tuyến kênh từ Quốc lộ 19 đi Lung Nà đoạn từ K0+429 đến K0+809m	Thôn Thọ Lộc 1	2015 - 2016	589	200	Trả nợ
b	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Nhơn Thọ - Tuyến kênh từ QL 19 đi Lung Nà đoạn từ K0+809 đến K0+579,2m	Thôn Thọ Lộc 1	2015 - 2016	955	300	Trả nợ
2	Giao thông			1.978	850	
a	Mở rộng tuyến đường phía bắc chợ Đồn đến ngã ba Sáu Đám	Thôn Thọ Lộc 1	2016	520	150	
b	Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đi Lung Nà đến giáp xã Nhơn Lộc	Thôn Thọ Lộc 1	2015	358,0	175	Trả nợ
c	Mở rộng tuyến đường từ phía bắc trường Mẫu giáo Ngọc Thanh đến phía nam cầu Thọ Sơn Bắc	Thôn Thọ Lộc 1	2016	1.100,0	525	

3	Cơ sở vật chất văn hóa			800	300	
	Nhà văn hóa thôn Thọ Lộc 2	Thôn Thọ Lộc 2	2016	800	300	
4	Trường học			5.149	2.050	
a	Trường Mẫu giáo Nhơn Thọ - Hạng mục Nhà lớp học 06 phòng	Thôn Đông Bình	2015 - 2016	4.669	1.900	Trả nợ
b	Trường Mẫu giáo Nhơn Thọ	Thôn Đông Bình	2016	480	150	
III	UBND xã Nhơn Phong			10.037	3.700	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			5.686	2.350	
a	Xây dựng Nhà Văn hóa xã	Thôn Trung Lý	2016	3.564	2.000	
b	Xây dựng khu thể dục thể thao thôn Liêm Lợi	Thôn Liêm Lợi	2016	299	100	
c	Nhà Văn hóa cộng đồng thôn Liêm Lợi	Thôn Liêm Lợi	2015	855	150	Trả nợ
d	Nhà Văn hóa và khu thể thao thôn Tam Hòa	Thôn Tam Hòa	2014	968	100	Trả nợ
2	Trường học			4.351	1.300	
a	Xây dựng trường Mầm non, Mẫu giáo	Thôn Tam Hòa	2016	2.200	800	
b	Trường Mầm non xã Nhơn Phong - Hạng mục Tường rào	Thôn Tam Hòa	2016	243	100	
c	Trường Mẫu giáo Liêm Định	Thôn Liêm Định	2015 - 2016	1.160,0	200	Trả nợ
d	Trường Mẫu giáo Thanh Giang - Hạng mục Nhà lớp học, sân nền	Thôn Thanh Giang	2015	748,0	200	Trả nợ
3	Y tế			173,0	50	
	Trạm Y tế xã Nhơn Phong - Hạng mục Sân bê tông, nhà xe	Thôn Tam Hòa	2014	173,0	50	Trả nợ

(Chữ ký)

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
HUYỆN HOÀI ÂN

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Hoài Ân						
I	Xã Ân Đức			11.082	3.700	
1	Trường học			11.082	3.700	
a	Xây dựng mới trường mầm non thôn Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	2015	3.120	1.330	
b	XD tường rào, cổng ngõ Trường Mầm non Đội 5 thôn Đức Long	Đức Long	2016	2.700	1.080	Trả nợ
				420	250	
2	Cơ sở vật chất văn hóa					
a	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Gia Trị	Gia Trị	2016	1.876	1.000	
b	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	2016	738	300	
c	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Khoa Trường	Khoa Trường	2016	205	120	
d	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Thuận	Phú Thuận	2016	205	120	
đ	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đức Long	Đức Long	2016	174	100	
e	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Gia Đức	Gia Đức	2016	345	210	
				209	150	
3	Giao thông					
a	BTXM tuyến đường nhà ông Đồng - Thanh tú	Gia Trị	2016	1.500	400	
b	Tuyến BTXM từ nhà ông Minh - nhà ông Bưởi	Đức Long	2016	800	200	
				700	200	
4	Thủy lợi					
				4.586	970	
a	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương tưới trạm bơm đội 8	Phú Thuận	2014	866	140	Trả nợ
b	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương trạm bơm đội 3, thôn Gia Đức	Gia Đức	2014	944	140	Trả nợ

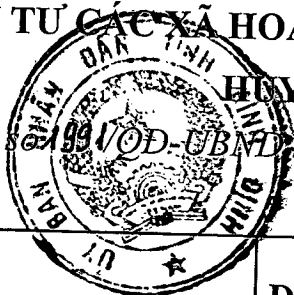
c	Kiên cố hóa kênh mương tuyến mương tưới Xe Chum đội 1, thôn Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	2015-2016	491	140	Trả nợ
d	KCH KM Tuyến cửa Thảm đến cửa Tổ	GiaTrị	2016	325	80	
đ	KCH KM Tuyến cửa Diêm đến Gò Chính	GiaTrị	2016	539	115	
e	KCH KM Tuyến mương cái đội 1	Gia Đức	2016	408	100	
g	KCH KM Tuyến mương Cái đội 2 đến đội 7	Gia Đức	2016	531	130	
h	KCH KM cống nhà 3 Long xuống cống Gò Long	Đức Long	2016	288	75	
i	KCH KM Tuyến mương trạm bơm đội 6	Đức Long	2016	194	50	

yl

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016
HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Phù Cát						
I	UBND xã Cát Tân			25.018	7.400	
1	Trường học			7.124	3.700	
a	Xây dựng nhà hiệu bộ trường mẫu giáo	Xã Cát Tân	2016	1.727	1.006	
b	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS	Xã Cát Tân	2016	650	326	KC mới
2	Cơ sở vật chất văn hóa			1.077	680	KC mới
a	Nhà văn hóa thôn Bình Đức	Xã Cát Tân	2016	5.397	2.694	
b	Nhà văn hóa thôn Hòa Đồng	Xã Cát Tân	2016	638	319	KC mới
c	Nhà văn hóa thôn Kiều Huyền	Xã Cát Tân	2016	542	271	KC mới
d	Nhà văn hóa thôn Kiều An	Xã Cát Tân	2016	565	278	KC mới
đ	Nhà văn hóa thôn Tân Hòa	Xã Cát Tân	2016	558	279	KC mới
e	Nhà văn hóa thôn Tân Lệ	Xã Cát Tân	2016	684	342	KC mới
g	Nhà văn hóa thôn Hữu Hạnh	Xã Cát Tân	2016	588	294	KC mới
h	Sửa chữa nhà làm việc UBND xã, HM: Sửa chữa Hội trường UBND xã (Nhà văn hóa xã)	Xã Cát Tân	2016	574	287	KC mới
i	Khu thể thao xã Cát Tân	Xã Cát Tân	2016	700	350	KC mới
k	Khu thể thao thôn Hòa Đồng	Xã Cát Tân	2016	170	85	KC mới
l	Khu thể thao thôn Tân Hòa	Xã Cát Tân	2016	174	87	KC mới
		Xã Cát Tân	2016	64	32	KC mới

79

m	Khu thể thao thôn Tân Lệ	Xã Cát Tân	2016	90	45	KC mới
n	Khu thể thao thôn Hữu Hạnh	Xã Cát Tân	2016	50	25	KC mới
II	UBND xã Cát Hanh			17.894	3.700	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			9.316	2.000	
a	Nhà văn hóa xã Cát Hanh	Xã Cát Hanh	2016	5.200	1.000	KC mới
b	Nhà văn hóa thôn Hòa Hội	Xã Cát Hanh	2016	858	200	KC mới
c	Nhà văn hóa thôn Tân Xuân	Xã Cát Hanh	2016	850	200	KC mới
d	Nhà văn hóa thôn Khánh Phước	Xã Cát Hanh	2016	886	200	KC mới
đ	Nhà văn hóa thôn Tân Hóa Bắc	Xã Cát Hanh	2016	837	200	KC mới
e	Nhà văn hóa thôn Vinh Kiên	Xã Cát Hanh	2016	685	200	KC mới
2	Trường học			1.160	300	
	Nhà hiệu bộ trường TH số 2 Cát Hanh	Xã Cát Hanh	2016	1.160	300	KC mới
3	Chợ			3.918	1.000	
	Chợ Gồm xã Cát Hanh	Xã Cát Hanh	2016	3.918	1.000	KC mới
4	Giao thông			3.500	400	
	Cầu GTNT, tuyến từ ngã ba chợ Gồm đi Khánh Phước	Xã Cát Hanh	2016	3.500	400	KC mới

74